

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/9/2017

**MỤC LỤC**

**Trang**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

2 – 3

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

4

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

5

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6 – 41

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>108,417,566,684</b>	<b>152,528,519,515</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>43,276,266,707</b>	<b>61,935,607,721</b>
1. Tiền	111		38,276,266,707	41,935,607,721
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	20,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>15,000,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	15,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53,477,099,696</b>	<b>59,084,044,243</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	38,765,147,903	37,687,685,076
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	7,383,348,816	13,710,812,998
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	7,328,602,977	7,685,546,169
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>5,905,265,130</b>	<b>8,206,170,513</b>
1. Hàng tồn kho	141		5,905,265,130	8,206,170,513
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5,758,935,151</b>	<b>8,302,697,038</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	2,380,505,341	1,991,078,516
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	2,949,976,876	5,462,491,451
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	4.12	428,452,934	849,127,071
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>211,117,073,862</b>	<b>225,722,819,944</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1,202,751,563</b>	<b>1,110,751,563</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1,394,607,563	1,394,607,563
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	378,860,000	286,860,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(570,716,000)	(570,716,000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>102,938,645,467</b>	<b>120,521,263,240</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	99,556,311,045	116,213,638,544
- Nguyên giá	222		198,085,746,907	199,258,396,568
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98,529,435,862)	(83,044,758,024)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	3,382,334,422	4,307,624,696
- Nguyên giá	228		6,483,138,323	6,760,161,323
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,100,803,901)	(2,452,536,627)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6,669,127,421</b>	<b>1,304,268,799</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	6,669,127,421	1,304,268,799
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>97,658,110,319</b>	<b>97,755,861,967</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		90,963,420,319	91,061,171,967
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.7	6,694,690,000	6,694,690,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,648,439,091</b>	<b>5,030,674,375</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	2,648,439,091	5,030,674,375
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>319,534,640,546</b>	<b>378,251,339,459</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>126,108,138,666</b>	<b>201,079,248,832</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>77,784,204,167</b>	<b>163,415,829,723</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	40,556,726,058	45,595,850,270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		882,299,462	190,781,845
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	916,868,629	1,057,474,648
4. Phải trả người lao động	314		16,038,510,113	20,413,684,471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	5,623,614,681	6,113,702,324
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	3,913,240,672	10,138,051,343
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	3,448,458,842	75,310,766,676
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,404,485,710	4,595,518,146
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48,323,934,499</b>	<b>37,663,419,109</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		676,779,624	866,634,624
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.15	47,647,154,875	36,796,784,485
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>193,426,501,879</b>	<b>177,172,090,627</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.16</b>	<b>193,426,501,879</b>	<b>177,172,090,627</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83,157,640,000	83,157,640,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83,157,640,000	83,157,640,000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2,820,000)	(2,820,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		33,053,684,206	33,053,684,206
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3,969,213,452	3,969,213,452
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18,648,751,530	33,115,239,623
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,538,605,850	3,196,802,165
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17,110,145,680	29,918,437,458
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	422		54,600,032,691	23,879,133,346
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>319,534,640,546</b>	<b>378,251,339,459</b>



**Nguyễn Mạnh Quân**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 10 năm 2017

**Trần Thị Lan Hương**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Hào**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/9/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/7/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	127,821,059,565	387,851,829,721	397,207,039,691
2. Các khoản giảm trừ	02	5.1	178,938,057	529,750,958	783,649,235
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	127,642,121,508	387,322,078,763	396,423,390,456
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	71,834,448,344	226,760,474,834	242,336,890,442
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55,807,673,164	160,561,603,929	154,086,500,014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7,668,830,875	19,485,026,297	13,615,178,313
7. Chi phí tài chính	22	5.4	4,942,605,127	9,838,151,024	3,997,777,041
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,585,020,062	8,845,453,299	2,686,696,266
8. Phần (lãi) lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		(97,751,697)	(97,751,697)	127,532,070
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	44,165,134,213	124,839,373,084	117,231,390,479
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	9,946,514,630	32,734,215,980	29,561,171,389
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,324,498,372	12,537,138,441	16,783,807,348
12. Thu nhập khác	31	5.7	49,090,909	207,282,717	9,017,222,583
13. Chi phí khác	32	5.8	2,500,000	85,768,285	482,448,029
14. Lợi nhuận khác	40		46,590,909	121,514,432	8,534,774,554
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,371,089,281	12,658,652,873	25,318,581,902
16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	(53,036,863)	107,607,848	4,483,463,971
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,424,126,144	12,551,045,025	20,835,117,931
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(2,192,365,308)	(4,559,100,655)	(765,493,496)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		6,616,491,452	17,110,145,680	21,600,611,427
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.4		2,058	2,997



**Nguyễn Mạnh Quân**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 10 năm 2017

**Trần Thị Lan Hương**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Hào**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/9/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.9</b>	<b>12,658,652,873</b>	<b>25,318,581,902</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.10	18,165,180,501	14,627,918,326
- Các khoản dự phòng	03		0	(843,369,958)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mức tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		51,025,470	95,712,311
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(19,408,831,586)	(22,000,626,044)
- Chi phí lãi vay	06		8,845,453,299	2,686,696,266
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>20,311,480,557</b>	<b>19,884,912,803</b>
- (Tăng) các khoản phải thu	09		8,448,133,259	(51,617,687,239)
- Giảm hàng tồn kho	10		2,300,905,383	6,984,612,644
- Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(14,468,195,000)	(17,838,206,404)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		1,992,808,459	175,398,455
- (Lãi) tiền vay đã trả	14		(8,845,453,299)	(2,686,696,266)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.9	(285,431,939)	(3,828,516,823)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,074,008,846)	(300,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5,380,238,574</b>	<b>(49,226,182,830)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(5,947,421,399)	(29,592,619,547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22		191,818,182	8,681,516,669
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		15,000,000,000	25,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(90,000,000,000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,233,231,586	12,911,408,250
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>28,477,628,369</b>	<b>(72,999,694,628)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
2. Tiền thu từ đi vay	33		13,661,973,313	93,315,602,168
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(74,673,910,757)	(4,173,556,497)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26,836,295,983)	(22,586,247,685)
6. Tiền thu góp vốn của cổ đông không kiểm soát			35,280,000,000	24,500,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(52,568,233,427)</b>	<b>91,055,797,986</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(18,710,366,484)</b>	<b>(31,170,079,472)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.1</b>	<b>61,935,607,721</b>	<b>97,718,734,497</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51,025,470	(13,298,866)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>43,276,266,707</b>	<b>66,535,356,159</b>



**Nguyễn Mạnh Quân**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 10 năm 2017

**Trần Thị Lan Hương**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Hào**  
Người lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài (dưới đây được gọi là "Công ty") trước đây là Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài, một doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam. Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài theo Quyết định số 3978/QĐ-BGTVT ngày 21/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Từ khi chuyển đổi, Công ty đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 9 lần, lần cuối cùng vào ngày 07/5/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 08/6/2017, Công ty có vốn điều lệ là 83.157.640.000 VND, tương đương 8.315.764 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam sở hữu 51%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội,

Tổng nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2017 là 902 người.

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết bao gồm: Vận chuyển hành khách, hàng hóa trong sân đỗ máy bay; Dịch vụ vận tải mặt đất; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Kinh doanh các dịch vụ phục vụ khách đi máy bay của các hãng hàng không trong nước và quốc tế; Dịch vụ làm thủ tục hàng không tại thành phố; Kinh doanh hàng miễn thuế phục vụ khách xuất, nhập cảnh; Dịch vụ lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại hàng không;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết bao gồm: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết bao gồm: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết là vận tải hành khách bằng taxi;
- Bốc xếp hàng hóa.

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### **1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ngoài công ty con và công ty liên kết, Công ty có 04 chi nhánh sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại TP Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài tại Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.6 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/09/2017, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	51%	49,12%	49,12%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Taxi Nasco	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	36%	16%	16%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua cho đến ngày chấm dứt quyền kiểm soát công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư nội bộ, các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện cho các giao dịch nội bộ giữa Công ty và các công ty con hoặc giữa các công ty con với nhau được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

**Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**2.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp)**

**Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của những công ty này. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Công ty có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

**Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được giao cho Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các đơn vị này nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**2.4. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 21/3/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến 30/9/2017 của Công ty.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban [Tổng] Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, Thông tư số: 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh đối với hàng kinh doanh miễn thuế và bình quân gia quyền tháng đối với hàng tồn kho khác và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, Thông tư số: 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng sử dụng của các hàng tồn kho này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;
- Chi phí trả trước khác.

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp)**

	Thời gian sử dụng hữu ích	
	Năm 2017	
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	
Máy móc, thiết bị	03 – 10	
Phương tiện vận tải	04 – 10	
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05	
TSCĐ khác	04 – 06	

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.9 Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ đi tổn thất của các khoản đầu tư.

***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

### **3.10 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.11 Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ hoàn thành của từng giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### **3.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.14 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.15 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Theo đó, các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**3.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.18 Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Năm 2016, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.18 Thuế (tiếp)

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

▪ Hàng hóa bán khu cách ly quốc tế	0%
▪ Đồ chơi cho trẻ em; một số loại sách	5%
▪ Các hàng hóa và dịch vụ khác	10%

#### Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 3.19 Công cụ tài chính

#### *Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 Công cụ tài chính (tiếp)**

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại lại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các khoản đã ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	1,453,150,186	1,962,140,043
Tiền gửi ngân hàng	34,993,038,122	38,541,642,482
Tiền đang chuyển	1,830,078,399	1,431,825,196
Các khoản tương đương tiền (i)	5,000,000,000	20,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>43,276,266,707</b>	<b>61,935,607,721</b>

(i) Khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm có thời hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

## 4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>38,765,147,903</b>	<b>37,687,685,076</b>
<b>Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>17,977,329,490</b>	<b>20,123,295,366</b>
+ Trung tâm Khai thác Nội Bài - TCT HK VN	15,784,148,652	18,555,890,895
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam - chi nhánh Nội Bài	777,627,579	681,914,189
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài	239,914,482	4,615,000
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	100,635,000	99,917,000
+ Công ty Cổ phần Suất ăn HK Nội bài	702,624,335	443,963,237
+ Chi nhánh TCT Hàng không Việt Nam - CTCP khu vực miền Bắc	68,259,631	64,787,456
+ Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines	146,951,040	131,848,332.00
+ Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam khu vực Miền Bắc	54,788,658	49,805,138
+ Chi nhánh Tổng công ty Hàng không VN - Công ty Bay dịch vụ hàng không	102,380,113	90,554,119
<b>Phải thu khách hàng từ bên thứ ba</b>	<b>20,787,818,413</b>	<b>17,564,389,710</b>
+ Công ty TNHH HANARO TNS Việt Nam	1,364,528,000	622,240,000
+ Công ty TNHH giao nhận vận tải Đại Sơn	835,942,472	613,553,512
+ Công ty TNHH Kerry Express (Việt Nam) chi nhánh Hà Nội	440,792,168	
+ Công ty TNHH VEGAREX Hà Nội	311,115,500	269,020,000
+ Công ty CP dịch vụ viễn thông và In Bưu điện	487,216,500	113,001,020
+ Công ty CP Dịch vụ Truyền thông số	981,570,001	195,305,000
+ Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Truyền thông AA	99,405,000	137,000,000
+ Hãng hàng không Lào	200,066,475	300,073,290
+ Hãng hàng không Silk Air	337,274,700	344,871,814
+ Văn phòng bán vé hãng Hàng không Singapore Airlines	608,802,188	636,528,145
+ Hãng hàng không Malaysia	168,075,600	372,334,170
+ Các khách hàng khác	14,953,029,809	13,960,462,759
<b>Cộng</b>	<b>38,765,147,903</b>	<b>37,687,685,076</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/09/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho các bên liên quan	41,853,000	-
+ Tổng công ty hàng không Việt Nam - CTCP	41,853,000	
Trả trước cho bên thứ ba	7,341,495,816	13,710,812,998
+ CT CP đầu tư thiết kế và dịch vụ đầu tư xây	291,200,000	-
+ Nguyễn Thị Kim Oanh (tư vấn kế toán)	228,400,000	45,680,000
+ Công ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Trường	136,750,000	101,750,000
+ Công ty TNHH Digital Systems	400,000,000	
+ Chi nhánh Giải Phóng- Công ty CP Ô tô	489,000,000	
+ Chi nhánh Giải Phóng - Công ty cổ phần ô tô	1,141,000,000	
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Cộng đồng Việt Nam	81,484,546	101,984,546
+ Cảng HKQT Nội Bài - CN Tổng CT Cảng HK Việt Nam	-	2,512,443,007
+ Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Thế kỷ	-	3,252,143,468
+ Công ty TNHH Thiết bị Tự động hóa H-H	-	582,810,800
+ Công ty CP Xúc tiến Thương mại Đầu tư Hành tinh số	475,000,000	57,000,000
+ Công ty CP Lilama 69-1	-	259,310,756
+ Công ty CP Hàng không Vietjet	116,548,900	107,650,200
+ Công ty TNHH MTV khai thác điểm đỗ xe HN	139,490,909	217,790,909
+ Công ty TNHH In quảng cáo Tâm Việt	129,250,000	116,552,700
+ Công ty CP Kiến trúc xây dựng Rubix	112,137,000	-
+ Các khoản trả trước khác	3,601,234,461	6,355,696,612
<b>Cộng</b>	<b>7,383,348,816</b>	<b>13,710,812,998</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

## 4.4 Phải thu khác

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	2,920,249,941	3,564,872,753
Ký cược, ký quỹ	529,943,000	354,943,000
Phải thu ngắn hạn khác	3,878,410,036	3,765,730,416
+ Phải thu DFS	-	256,857,920
+ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	2,860,777,218	1,280,768,854
+ Tạm tính lãi tiền gửi	10,666,667	361,500,000
+ Công ty CP giao nhận hàng hóa Nasco	351,073,475	90,699,140
+ Công ty CP Taxi Nasco	9,648,963	51,810,440
+ Phải thu khác	646,243,713	1,724,094,062
<b>Cộng</b>	<b>7,328,602,977</b>	<b>7,685,546,169</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	378,860,000	286,860,000
<b>Cộng</b>	<b>378,860,000</b>	<b>286,860,000</b>

## 4.5 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2,317,707,497	2,391,159,879
Công cụ, dụng cụ	517,278,094	546,131,780
Hàng hoá	2,427,633,590	391,602,567
Hàng gửi đi bán	642,645,949	4,877,276,287
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần</b>	<b>5,905,265,130</b>	<b>8,206,170,513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.6 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	89,244,215,352	17,114,014,082	80,780,887,064	841,324,126	11,277,955,944	199,258,396,568
Mua sắm mới	-	397,817,273		69,545,455	-	467,362,728
XDCB hoàn thành		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán Tăng/ (giảm) khác	(164,990,104)	(637,261,013)	(837,761,272)	-	-	(1,640,012,389)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>89,079,225,248</b>	<b>16,874,570,342</b>	<b>79,943,125,792</b>	<b>910,869,581</b>	<b>11,277,955,944</b>	<b>198,085,746,907</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	18,404,314,598	12,131,941,564	49,054,322,118	202,911,933	3,251,267,811	83,044,758,024
Trích khấu hao	7,152,979,770	3,642,485,703	5,584,461,849	282,544,586	462,218,319	17,124,690,227
Thanh lý, nhượng bán Tăng/ (giảm) khác	(164,990,104)	(637,261,013)	(837,761,272)	-	-	(1,640,012,389)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>25,392,304,264</b>	<b>15,137,166,254</b>	<b>53,801,022,695</b>	<b>485,456,519</b>	<b>3,713,486,130</b>	<b>98,529,435,862</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	70,839,900,754	4,982,072,518	31,726,564,946	638,412,193	8,026,688,133	116,213,638,544
Tại ngày 30/09/2017	63,686,920,984	1,737,404,088	26,142,103,097	425,413,062	7,564,469,814	99,556,311,045

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/9/2017 là 35.772.584.471 VND (tại ngày 01/01/2017 là 35.481.133.306 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.7 Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/9/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS)	6,694,690,000	6,694,690,000	6,694,690,000	6,694,690,000
<b>Cộng</b>	<b>6,694,690,000</b>	<b>6,694,690,000</b>	<b>6,694,690,000</b>	<b>6,694,690,000</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty CP Taxi Nasco (i)	1,280,000,000	963,420,319	1,280,000,000	1,061,171,967
Công ty Cổ phần Nhà ga quốc tế Cam Ranh - Tổng cty cảng HK VN (ii)	90,000,000,000	90,000,000,000	90,000,000,000	90,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>91,280,000,000</b>	<b>90,963,420,319</b>	<b>91,280,000,000</b>	<b>91,061,171,967</b>

(i) Công ty đầu tư vào Công ty liên kết chiếm tỷ lệ sở hữu 36%, tương đương với số tiền 3.780.000.000 VND (trong đó, góp vốn bằng tài sản là 1.280.000.000 VND và tài sản khác là 2.500.000.000 VND). Tỷ lệ vốn thực góp tại ngày 30/09/2017 là 16%. Khoản dự phòng tại ngày 30/09/2017 được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

(ii) Đây là khoản đầu tư góp vốn của Công ty cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO chiếm tỷ lệ sở hữu 15%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2017	6,760,161,323	6,760,161,323
Mua sắm mới	-	-
Phân loại lại	-	-
Nâng cấp	115,200,000	115,200,000
Tăng/(giảm) khác	(392,223,000)	(392,223,000)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>6,483,138,323</b>	<b>6,483,138,323</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2017	2,452,536,627	2,452,536,627
Trích khấu hao	1,040,490,274	1,040,490,274
Tăng/ (giảm) khác	(392,223,000)	(392,223,000)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>3,100,803,901</b>	<b>3,100,803,901</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2017	4,307,624,696	4,307,624,696
Tại ngày 30/09/2017	3,382,334,422	3,382,334,422

**4.9 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 01/01/2017	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tại ngày 30/09/2017
<b>Ngắn hạn</b>				
Công cụ dụng cụ	1,204,903,826	1,236,312,237	709,500,238	1,731,715,825
Chi phí thuê mặt bằng	183,754,545	1,600,268,918	1,494,380,605	272,007,380
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	602,420,145	2,998,376,207	3,224,014,216	376,782,136
<b>Cộng</b>	<b>1,991,078,516</b>	<b>5,834,957,362</b>	<b>4,718,394,821</b>	<b>2,380,505,341</b>
<b>Dài hạn</b>				
Chi phí thuê mặt bằng	147,636,364	417,450,636	434,090,908	130,996,092
Chi phí thiết bị, CCDC chờ phân bổ	4,404,750,748	708,569,166	2,891,467,840	2,276,852,074
Chi phí trả trước dài hạn khác	478,287,262	323,413,224	561,109,561	240,590,925
<b>Cộng</b>	<b>5,030,674,374</b>	<b>1,449,433,026</b>	<b>3,886,668,309</b>	<b>2,648,439,091</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty Nasco</b>	<b>6,162,525,242</b>	<b>927,692,925</b>
+ Xây dựng kho hàng hóa tại lô đất số 8		-
+ Nội thất trụ sở công ty	1,171,678,390	313,041,300
+ Sân đường tường rào	3,923,770,000	-
+ Chi phí chỉnh sửa phần mềm hàng hóa	75,000,000	-
+ Đơn nguyên 2	365,076,852	-
+ Hệ thống phòng cháy	627,000,000	614,651,625
<b>Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty Nasco Logistics</b>	<b>506,602,179</b>	<b>376,575,874</b>
+ Phần mềm quản lý kinh doanh chuyển phát nhanh hàng hóa - Nasco Express	376,575,874	376,575,874
+ Sửa chữa nhà văn phòng tại 70 Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	130,026,305	-
<b>Cộng</b>	<b>6,669,127,421</b>	<b>1,304,268,799</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Phải trả người bán bên liên quan</b>	<b>2,815,004,580</b>	<b>5,033,063,083</b>
+ Công ty CP In Hàng không	75,000,000	85,205,000
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	-	474,650,000
+ Công ty CP Giao nhận hàng hóa NASCO	110,325,547	
+ Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	-	944,730,837
+ Công ty TNHH MTV DV Mặt đất SB VN - CN Nội Bài	8,606,620	1,172,882,449
+ Chi nhánh TCT HK Việt Nam KV miền Bắc		
+ Chi nhánh TCT HKVN Khu vực miền Nam	1,093,588,865	375,627,006
+ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam- CTCP	1,329,667,409	1,491,896,964
+ Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	96,553,304	153,721,202
+ CN Công ty Hàng không VN - KV Miền Trung	-	99,381,695
+ Công ty TNHH MTV DV mặt đất sân bay VN- CN NB	-	
+ Công ty TNHH MTV Dịch vụ sân bay Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	28,483,620	21,863,130
+ Công ty CP Hàng không Jestar Pacific	72,779,215	213,104,800
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>37,741,721,478</b>	<b>40,562,787,187</b>
+ Cảng HK Quốc tế Nội Bài - CN TCT Cảng HK	9,873,978,547	3,676,472,338
+ Công ty TNHH EDF Việt Nam	7,833,005,075	8,830,813,970
+ Công ty TNHH DFS Việt Nam	4,687,575,175	3,487,363,649
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Đức	1,012,826,366	901,723,920
+ Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	274,487,116	3,968,029,118
+ Công ty TNHH MTV 319.2	1,575,321,832	2,122,410,172
+ Công ty TNHH MTV Việt Thành	295,593,767	933,323,405
+ Phải trả IPP	1,456,664,453	1,599,012,818
+ Phải trả khách hàng khác	10,732,269,148	15,043,637,797
<b>Cộng</b>	<b>40,556,726,058</b>	<b>45,595,850,270</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.12 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017		Số đã nộp/(Số đã thu) trong kỳ		Tại ngày 30/9/2017	
	VND		VND		VND	
	<u>Số dư</u>		<u>Tăng</u> <u>Hoàn/khấu trừ</u>		<u>Số dư</u>	
Thuế GTGT được khấu trừ	5,462,491,451		20,874,309,132	18,361,794,557	2,949,976,876	
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp/khấu trừ</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	990,260,385	15,828,565,264	16,430,539,705	-	388,285,944
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250,628,843	-	107,607,848	285,431,939	428,452,934	-
Thuế thu nhập cá nhân	598,498,228	67,214,263	1,240,644,502	180,777,852	-	528,582,685
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	613,851,191	613,851,191	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3,000,000	3,000,000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>849,127,071</b>	<b>1,057,474,648</b>	<b>17,793,668,805</b>	<b>17,513,600,687</b>	<b>428,452,934</b>	<b>916,868,629</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI**Sân bay Quốc tế Nội Bài, Phú Minh,  
Sóc Sơn, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/09/2017**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)****4.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí thuê kho mặt bằng	347,660,612	322,478,791
Chi hoa hồng môi giới	483,738,544	-
Phí nhượng quyền kinh doanh	319,824,134	-
Chi phí trang phục bảo hộ lao động	1,676,750,000	-
Chi phí lãi vay phải trả	-	2,184,722,221
An toàn hàng không	-	410,363,194
Chi phí kiểm toán	581,818,180	776,818,180
Chi phí khác	2,213,823,211	2,419,319,938
+ Chi phí chăm sóc khách hàng	547,500,000	-
+ Chi phí quảng cáo tiếp thị	1,000,000,000	-
+ Chi phí khác	666,323,211	2,419,319,938
<b>Cộng</b>	<b>5,623,614,681</b>	<b>6,113,702,324</b>

**4.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Bảo hiểm xã hội	253,047,132	-
Kinh phí công đoàn	540,262,705	129,505,427
Tiền nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược	249,000,000	105,000,000
Bảo hiểm y tế	54,769,907	-
Bảo hiểm thất nghiệp	13,055,025	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1,326,029,485	1,966,363,073
Phải trả khác	-	7,937,182,843
+ Công ty CP Kiến trúc Thế Kỳ	-	3,400,132,477
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,477,076,418	4,537,050,366
<b>Cộng</b>	<b>3,913,240,672</b>	<b>10,138,051,343</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.15 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2017		Trong kỳ		Tại ngày 30/09/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>65,000,000,000</b>	<b>65,000,000,000</b>		<b>65,000,000,000</b>	<b>1,141,000,000</b>	<b>1,141,000,000</b>
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) (i)</i>	<i>65,000,000,000</i>			<i>65,000,000,000</i>	-	
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Minh</i>	-		<i>1,141,000,000</i>		<i>1,141,000,000</i>	<i>1,141,000,000</i>
<b>Vay dài hạn tại NH TMCP Công Thương VN CN Đông Anh</b>	<b>47,107,551,161</b>	<b>47,107,551,161</b>	<b>14,191,576,236</b>	<b>11,344,513,680</b>	<b>49,954,613,717</b>	<b>49,954,613,717</b>
<b>Trong đó</b>						
<i>Nợ đến hạn</i>	<i>10,310,766,676</i>	<i>10,310,766,676</i>	<i>1,670,602,923</i>	<i>9,673,910,757</i>	<i>2,307,458,842</i>	<i>2,307,458,842</i>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>36,796,784,485</i>	<i>36,796,784,485</i>	<i>12,520,973,313</i>	<i>1,670,602,923</i>	<i>47,647,154,875</i>	<i>47,647,154,875</i>
<b>Cộng</b>	<b>112,107,551,161</b>	<b>112,107,551,161</b>	<b>14,191,576,236</b>	<b>76,344,513,680</b>	<b>51,095,613,717</b>	<b>51,095,613,717</b>

(i) Đây là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0120/16/HĐTDNH-DN/140 ngày 10/8/2016 của Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO (công ty con) với Ngân hàng TMCP phát triển thành phố HCM - CN Đồng Nai để góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh.

Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi vay được thanh toán một (01) lần vào ngày kết thúc hợp đồng vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các tài sản đảm bảo của khoản vay gồm:

- Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai của hợp đồng hứa mua hứa bán số 3006/16/HĐHMHB/Nasco-Vietjet ngày 08/8/2016 với Công ty Cổ phần Hàng không Viet Jet thông qua hợp đồng cầm cố chứng khoán số 0092/16/HĐĐB1-140 ngày 10/8/2016 với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cam kết chuyển nhượng 6.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh khi thỏa mãn đồng thời ba (03) điều kiện sau:
  - Công ty là chủ sở hữu hợp pháp của 9.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh;
  - Công ty không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi đối với khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh;
  - Thời gian ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần không sớm hơn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hứa mua hứa bán này.

Theo Phụ lục hợp đồng số 01 của hợp đồng hứa mua, hứa bán số 3006/16/HĐHMHB/Nasco-Vietjet ngày 08/08/2016, khi Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO không đủ khả năng thanh toán khoản vay 65.000.000.000 VND thì: Tổng giá trị cổ phần được chuyển nhượng bằng toàn bộ số dư nợ gốc còn phải trả Ngân hàng tại thời điểm chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Hàng không Viet Jet cam kết thanh toán toàn bộ phí phát sinh, lãi vay cho Ngân hàng.

- 2.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh thông qua hợp đồng cầm cố chứng khoán số 0092/16/HĐĐB2-140 ngày 10/8/2016 với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.16 Vốn chủ sở hữu**

**4.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	83,157,640,000	(2,820,000)	33,053,684,206	3,969,213,452	28,356,106,494	-	148,533,824,152
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	21,600,611,427	(765,493,496)	20,835,117,931
Tặng khác	-	-	-	-	1,977,560,152	24,500,000,000	26,477,560,152
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	(24,114,897,800)	-	(24,114,897,800)
Chia các quỹ	-	-	-	-	(2,721,966,681)	-	(2,721,966,681)
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(300,000,000)	-	(300,000,000)
<b>Tại ngày 30/09/2016</b>	<b>83,157,640,000</b>	<b>(2,820,000)</b>	<b>33,053,684,206</b>	<b>3,969,213,452</b>	<b>24,797,413,592</b>	<b>23,734,506,504</b>	<b>168,709,637,754</b>
Tại ngày 01/01/2017	83,157,640,000	(2,820,000)	33,053,684,206	3,969,213,452	33,115,239,623	23,879,133,346	177,172,090,627
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	17,110,145,680	(4,559,100,655)	12,551,045,025
Tặng khác	-	-	-	-	-	35,280,000,000	35,280,000,000
Phân chia lợi nhuận	-	-	-	-	(25,777,994,200)	-	(25,777,994,200)
Chia các quỹ	-	-	-	-	(5,498,639,573)	-	(5,498,639,573)
Giảm khác	-	-	-	-	(300,000,000)	-	(300,000,000)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>83,157,640,000</b>	<b>(2,820,000)</b>	<b>33,053,684,206</b>	<b>3,969,213,452</b>	<b>18,648,751,530</b>	<b>54,600,032,691</b>	<b>193,426,501,879</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN		Số vốn đã góp	
			Số cổ phần	Tại ngày 30/06/2017
	VND	%		Số tiền (VND)
Vốn góp của nhà nước (i)	42,410,396,400	51	4,241,040	42,410,396,400
Vốn góp đối tượng khác	40,747,243,600	49	4,074,724	40,747,243,600
<b>Cộng</b>	<b>83,157,640,000</b>	<b>100</b>	<b>8,315,764</b>	<b>83,157,640,000</b>

**4.16.3 Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,315,764	8,315,764
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,315,764	8,315,764
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8,315,764	8,315,764
Số lượng cổ phiếu được mua lại	282	282
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	282	282
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,315,764	8,315,764
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8,315,764	8,315,764
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10,000	10,000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

**4.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**4.16.4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
LN thuần phân bổ cho các cổ đông phổ thông	17,110,145,680	21,600,611,427
Trừ lợi nhuận phân chia các đối tác hợp tác kinh doanh (i)	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17,110,145,680	21,600,611,427
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8,315,764	8,315,764
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>2,058</b>	<b>2,598</b>

Ghi chú: Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**4.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	27,432,652,841	39,964,813,714
+ Công ty TNHH DFS (Việt Nam) - Kho A	10,714,035,193	17,352,824,680
+ Công ty TNHH DEF (Việt Nam) - Kho B	14,733,060,817	18,629,286,396
+ Công ty khác	1,985,556,830	3,982,702,639
2. Nợ khó đòi đã xử lý	633,087,400	633,087,400
3. Ngoại tệ các loại		
- USD	314,270.65	119,079.86

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>127,821,059,565</b>	<b>387,851,829,721</b>	<b>397,207,039,691</b>
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	45,310,863,432	135,473,597,117	137,950,311,579
Doanh thu bán hàng miễn thuế	24,668,461,981	80,923,406,014	93,685,357,823
Doanh thu bán hàng hóa	5,862,198,289	23,136,525,586	32,402,678,139
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, ăn uống	51,554,459,498	147,656,800,094	132,933,049,873
Doanh thu khác	425,076,365	661,500,910	235,642,277
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(178,938,057)</b>	<b>(529,750,958)</b>	<b>(783,649,235)</b>
Chiết khấu hàng bán	(178,938,057)	(529,750,958)	(783,649,235)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>127,642,121,508</b>	<b>387,322,078,763</b>	<b>396,423,390,456</b>

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	32,161,086,050	99,864,233,669	102,997,459,752
Giá vốn bán hàng miễn thuế	18,547,882,108	60,435,979,994	70,324,728,941
Giá vốn bán hàng hóa	2,447,272,415	12,114,744,927	18,392,645,295
Giá vốn dịch vụ	18,678,207,771	54,345,516,244	50,608,714,526
Giá vốn khác		-	13,341,928
<b>Cộng</b>	<b>71,834,448,344</b>	<b>226,760,474,834</b>	<b>242,336,890,442</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	328,997,879	967,337,586	1,945,514,250
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	7,300,000,000	18,265,894,000	10,965,894,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39,832,996	251,794,711	703,770,063
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			
<b>Cộng</b>	<b>7,668,830,875</b>	<b>19,485,026,297</b>	<b>13,615,178,313</b>

(i) Đây là khoản cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Chi phí lãi vay	4,585,020,062	8,845,453,299	3,336,861,266
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	330,773,534	941,672,255	550,319,172
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26,811,531	51,025,470	110,596,603
<b>Cộng</b>	<b>4,942,605,127</b>	<b>9,838,151,024</b>	<b>3,997,777,041</b>

**5.5 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	19,275,354,852	52,142,869,331	53,061,835,870
Chi phí nguyên vật liệu	1,350,416,064	3,601,803,589	3,766,527,202
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1,487,976,696	4,316,579,737	2,542,628,304
Chi phí khấu hao tài sản	3,190,246,646	8,547,628,221	6,956,747,226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,542,212,277	43,024,102,847	38,752,301,247
Chi phí khác bằng tiền	5,318,927,678	13,206,389,359	12,151,350,630
	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>44,165,134,213</b>	<b>124,839,373,084</b>	<b>117,231,390,479</b>

**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2,738,107,072	13,311,626,879	12,820,216,407
Chi phí vật liệu văn phòng	13,458,920	202,506,482	47,720,302
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	177,327,592	623,784,895	798,651,193
Chi phí khấu hao tài sản	1,823,867,619	5,387,018,364	2,812,627,197
Thuế và các khoản lệ phí	379,559,479	826,659,540	228,617,618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,302,293,218	3,619,211,448	2,675,265,624
Chi phí khác bằng tiền	3,493,213,930	8,710,628,133	10,178,073,048
	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9,946,514,630</b>	<b>32,734,215,980</b>	<b>29,561,171,389</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.7 Thu nhập khác**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND	VND
Thu từ bán thanh lý TSCĐ	40,000,000	191,818,182	8,681,516,669
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn		-	307,350,944
Thu nhập khác	9,090,909	15,464,535	28,354,970
<b>Cộng</b>	<b>49,090,909</b>	<b>207,282,717</b>	<b>9,017,222,583</b>

**5.8 Chi phí khác**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND	VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	2,500,000	16,218,182	457,486,902
Chi phí khác		69,550,103	24,961,127
<b>Cộng</b>	<b>2,500,000</b>	<b>85,768,285</b>	<b>482,448,029</b>

**5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/7/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND	VND
Chi phí nhân công	30,627,142,997	92,137,061,304	84,871,280,766
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22,355,504,682	70,329,817,314	73,467,972,212
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1,844,265,843	5,417,120,988	4,281,902,633
Chi phí khấu hao TSCĐ	6469285254	18,165,180,501	14,388,780,848
Thuế và các khoản lệ phí	444,395,480	1,082,610,507	447,045,764
Giá vốn hàng miễn thuế và hàng hóa	18,674,882,830	60,195,658,726	69,970,546,483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32,023,306,508	102,885,165,213	105,155,900,738
Chi phí khác bằng tiền	13,507,313,593	34,121,449,345	36,546,022,866
<b>Cộng</b>	<b>125,946,097,187</b>	<b>384,334,063,898</b>	<b>389,129,452,310</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12,658,652,873	25,318,581,902
Trong đó:		
Lợi nhuận không ưu đãi thuế TNDN	-	-
Lợi nhuận ưu đãi thuế TNDN	-	-
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	(13,438,313,734)	(4,983,558,026)
Các khoản chênh lệch vĩnh viễn	(13,438,313,734)	(9,157,771,148)
Thu nhập không thuộc diện nộp thuế TNDN (i)	(18,265,894,000)	(10,965,894,000)
Dự phòng đầu tư vào Công ty con và công ty liên doanh, liên kết	(4,596,899,309)	-
Lỗ tại Công ty con	8,960,496,570	1,421,630,779
Lỗ tại Công ty liên kết		127,532,070
Các khoản khác	463,983,005	258,960,003
Các khoản chênh lệch tạm thời	-	4,174,213,122
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn	-	4,174,213,122
Lợi nhuận sau điều chỉnh	(779,660,861)	20,335,023,876
Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ	(779,660,861)	20,335,023,876
Thu nhập tính thuế không được ưu đãi	(779,660,861)	20,335,023,876
Thu nhập tính thuế được ưu đãi	-	-
Thuế suất không ưu đãi (22%)	20%	20%
Thuế suất ưu đãi (20%)	0%	0%
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	-	4,067,004,775
Truy thu thuế theo quyết định của nhà	107,607,848	416,459,196
CP thuế TNDN năm hiện hành ước	107,607,848	4,483,463,971
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(250,628,843)	1,128,036
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(285,431,939)	(3,828,516,823)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	(428,452,934)	656,075,184

(i) Đây là khoản cổ tức được chia trong năm, xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.3 "Doanh thu hoạt động tài chính".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Công cụ tài chính****7.1.1 Các loại công cụ tài chính**

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,276,266,707	61,935,607,721
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46,093,750,880	45,373,231,245
Đầu tư dài hạn	6,694,690,000	6,694,690,000
<b>Cộng tài sản tài chính</b>	<b>96,064,707,587</b>	<b>114,003,528,966</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	51,095,613,717	112,107,551,161
Phải trả người bán và phải trả khác	44,469,966,730	55,733,901,613
Chi phí phải trả	5,623,614,681	6,113,702,324
<b>Cộng công nợ tài chính</b>	<b>101,189,195,128</b>	<b>173,955,155,098</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ liên quan chủ yếu tới hoạt động của Công ty như một số chi phí, thu nhập, các khoản vay của Công ty bằng đồng tiền khác với đồng tiền hạch toán của Công ty – VND.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ. Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

		Tại ngày 30/09/2017	Tại ngày 01/01/2017
	Ngoại tệ	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	314,270.65	119,079.86
Phải thu khách hàng và phải thu khác	USD	118,671.57	152,520.97
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	USD	(651,753.70)	(1,468,638.62)
<b>Tài sản/ (Nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b>USD</b>	<b>(218,811)</b>	<b>(1,197,038)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.1 Công cụ tài chính (tiếp)**

**7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)**

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền có kỳ hạn và các nghĩa vụ phải trả dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

	Tại ngày 30/09/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tài sản tài chính lãi suất cố định	6,453,150,186	21,962,140,043
Tài sản tài chính lãi suất thả nổi	41,687,728,122	45,236,332,482
	<b>48,140,878,308</b>	<b>67,198,472,525</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Nợ phải trả tài chính lãi suất cố định	51,095,613,717	112,107,551,161
	<b>51,095,613,717</b>	<b>112,107,551,161</b>

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư.

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư khác. Ban Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm kế toán. Tại ngày 31/12/2016, Công ty không có khoản rủi ro tín dụng đáng kể nào.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****7.1 Công cụ tài chính (tiếp)****7.1.2 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp)****Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty là các cổ đông, các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty, các công ty thuộc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty cổ phần và các công ty liên doanh, liên kết.

**Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Bán hàng**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
TT Khai thác Nội Bài - TCT Hàng không VN	128,985,860,380	108,492,438,461
Công ty TNHH GN hàng hóa Tân Sơn Nhất	-	19,676,364
Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất sân bay - CNNB	6,726,715,510	5,201,109,262
Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất sân bay - CN MN	-	6,881,818
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	1,982,096,139	1,779,002,736
Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	4,200,455,966	2,227,453,671
Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất sân bay - CNĐN	38,490,909	15,298,000
CN Tổng công ty HK VN - VP khu vực miền Bắc	549,695,412	556,304,166
Công ty TNHH kỹ thuật máy bay	190,800,000	381,600,000
Công ty bay dịch vụ hàng không	808,947,526	597,968,993
Chi nhánh Công ty TNHH MTV nhiên liệu HK KV miền Bắc	450,348,026	402,605,673
Công ty CP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn- CN Đà Nẵng	-	1,573,000
Công ty CP HK Jestar Pacific Airlines	231,387,309	805,804,680
Tổng công ty HK Việt Nam (VC báo)	270,755,909	-
<b>Cộng</b>	<b>144,435,553,086</b>	<b>120,487,716,824</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)**

**Mua hàng**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	24,180,837,584	556,750,200
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam - CN Đà Nẵng	140,870,493	20,595,510
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	-	199,989,956
Chi nhánh TCT HKVN Khu vực miền Trung	2,370,109,489	868,067,091
Chi nhánh TCT HKVN Khu vực miền Nam	-	8,039,572,379
Công ty Cổ phần In Hàng không	1,229,000,000	142,846,638
Công ty Cổ phần DVHH Nội Bài (Handling)	1,497,002,054	
Chi nhánh TCT HKVN Khu vực Miền Bắc	15,325,919,150	15,539,897,158
Trung tâm thương mại SASCO Tân Sơn Nhất (ESSBYTSN)	-	
Công ty CP hàng không Jetstar Pacific Airlines	796,072,521	227,027,796
Công CP suất ăn HK Nội Bài	1,229,000,000	574,200,000
Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất SB VN-CN Nội Bài	312,200,417	3,683,200
Công ty CP DV hàng không sân bay Tân Sơn Nhất	-	11,072,727
<b>Cộng</b>	<b>47,081,011,708</b>	<b>26,183,702,655</b>

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 4.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh số 4.8 "Đầu tư tài chính dài hạn";
- Thuyết minh số 4.11 "Phải trả người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh số 4.13 "Phải trả ngắn hạn khác".

**7.3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/9/2017. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ trước được phân loại và trình bày lại để phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.



Nguyễn Mạnh Quân  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 10 năm 2017

Trần Thị Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Hào  
Người lập